

2025 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名											
更新：2025.12.06											
GC 總排名	Name 姓名	Div 組別	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分						Total Point 總積分
					R1	R2	R3+4	R5	R6	R7	
					陽明山	春季KOM	環花東	太平山	太平洋盃	桃園	
男子總排名											
1	曾奕維	M20	EPIC TRCA Team	TWN	15	42	15		26	42	140
2	許仕儒	M20	前勁車隊	TWN			42		50	37	129
3	洪坤弘	M40	Bryton Racing Team/前	TWN	24		22		42	33	121
4	黃暉程	M16	前勁車隊	TWN	50				33	26	109
5	張誌盛	M20	前勁車隊	TWN			20		37	50	107
6	黃文忠	M35	EPIC TRCA Team	TWN	15	15	10	15	22	28	105
7	陳浩鈞	M40	TEAM WAYPOINT	TWN	10	15	10	26	15	15	91
8	黃冠霖	M25	前勁車隊	TWN	37		10	33			80
9	Martin Papanov	M25	Team CYTO TRIGON	BUL	42		37				79
10	林冠宇	M30	TEAM WAYPOINT	TWN	10	15	15	15	20		75
11	顧維均	M16	EPIC TRCA TEAM	TWN			3	24	28	20	75
12	江柏欣	M30	EPIC TRCA Team	TWN	3	3	15		24	30	75
13	楊家承	M25	TeamMugen	TWN		24	15	15	15		69
14	賴宜駿	M16	前勁車隊	TWN	3			50		15	68
15	謝博崴	M20	TEAM WAYPOINT	TWN	10	10		15	15	15	65
16	唐友裕	M16	Team CYTO TRIGON	TWN	28	33			3		64
17	李世烽	M30	TeamMugen	TWN	3	10	3	10	10	22	58
18	徐御凱	M20	Team CYTO TRIGON	TWN	33		24				57
19	程永源	M40	TEAM WAYPOINT	TWN	3	3	10	10	15	15	56
20	王勝天	M16	前勁車隊/臺中聯隊	TWN	10			42	3		55
21	李亞倫	M16	前勁車隊	TWN	15		10	30			55
22	胡嘉恩	M20	Team_Dream_Lab	TWN	3	20	10	10	10		53
23	呂靖	M40	FTL Cycling Team	TWN	10	15		28			53
24	吳之皓	M35	Bryton Racing Team	TWN	22		30				52
25	Marco Marchetti	M35	Fan!s cycling	ITA	15	37					52
26	盧紹軒	M30	Bryton Racing Team	TWN			50				50
27	Taylor Delhagen	M40		USA		50					50
28	譚皓瑋	M20	EPIC TRCA Team	TWN	15	15	3	15			48
29	張祐誠	M20	Team CYTO TRIGON	TWN	20		26				46
30	陳世宜	M45	Fan!s cycling	TWN	15	30					45
31	賴威宇	M35	TEAM WAYPOINT	TWN	3	10		22	10		45
32	張育銘	M16	捷安特哥倫布車隊	TWN		28	15				43
33	張恩騰	M16	前勁車隊/臺中聯隊	TWN	15				3	24	42
34	李靖烽	M16	前勁車隊	TWN	10				30		40
35	江忠諺	M40	TEAM WAYPOINT	TWN	3	10	15	10			38
36	楊鴻銘	M45	FTL Cycling Team	TWN				37			37
37	YIP HON MAN	M16	HONG KONG CYCLIN	HKG			33				33
38	潘彥文	M30	Team_Dream_Lab	TWN	3	10	3	15			31
39	謝帛勳	M16	前勁車隊	TWN	15		15				30
40	萬大中	M20	Bryton Racing Team	TWN	30						30
41	蔡秉辰	M16	大甲高中	TWN	15					15	30
42	李冠賢	M30	TeamMUGEN	TWN					15	15	30
43	汪昱豪	M25	捷安特哥倫布	TWN			28				28
44	劉致偉	M40	TEAM WAYPOINT	TWN	3	10		15			28

2025 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名											
更新：2025.12.06											
GC 總排名	Name 姓名	Div 組別	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分						Total Point 總積分
					R1	R2	R3+4	R5	R6	R7	
					陽明山	春季KOM	環花東	太平山	太平洋盃	桃園	
45	林成翰	M35	TEAM WAYPOINT	TWN	3	15		10			28
46	華柏程	M20	捷安特哥倫布車隊	TWN		26					26
47	邱正昕	M20	Bryton Racing Team	TWN	26						26
48	黃昱承	M20	Team CYTO TRIGON	TWN	10		15				25
49	李奕銘	M25	FTL Cycling Team	TWN	10				15		25
50	翁瑞鴻	M35	FTL Cycling Team	TWN				15	10		25
51	陳則安	M20	EPIC TRCA Team	TWN					10	15	25
52	黃楷翔	M20	TeamMugen	TWN	3			20			23
53	林旻澤	M16	捷安特哥倫布車隊	TWN		22					22
54	柯鋹昇	M16	TeamMugen	TWN	3	15	3				21
55	陳顥之	M20	新北市自由車隊 Team	TWN	3	15	3				21
56	張璟程	M20	Team OSSA Janiton	TWN		10			10		20
57	謝治翔	M16	前勁車隊	TWN	3			15			18
58	王鴻瑞	M25	FTL Cycling Team	TWN	3			15			18
59	李廷威	M20	EVERYTHING All good	TWN	3					15	18
60	李東霖	M20	臺中聯隊	TWN					3	15	18
61	蔡政廷	M25	Team_Dream_Lab	TWN	3	3		10			16
62	宋易承	M35	Team_Dream_Lab	TWN	3			10	3		16
63	CHEAM DOW WEI	M40	MatadorRacing	MAS			15				15
64	陳俊名	M40	捷安特哥倫布	TWN			15				15
65	余建朗	M16		HKG		15					15
66	杜有朋	M35		TWN		15					15
67	鄭玄琮	M20	Fan!s cycling	TWN	15						15
68	Lo Chun Kit	M30	Apex Cycling Team Af	HKG					15		15
69	謝昊軒	M16	CYTO Ride Taipei	TWN					15		15
70	林心謙	M16	新北四季單車鐵人代表	TWN					15		15
71	林心安	M16	新北四季單車鐵人代表	TWN					15		15
72	葉軒佑	M20	FTL Cycling Team							15	15
73	夏瑞興	M40	Fan!s cycling	TWN	3	10					13
74	胡宇豪	M16	桃園市聯隊	TWN	3			10			13
75	朱辰	M20	EPIC TRCA Team	TWN	3			10			13
76	林以特	M25	陳晨晨是IU李知恩的老	TWN	3			10			13
77	陳緯秝	M16	桃園市聯隊	TWN	3					10	13
78	黃崇詳	M16	新竹市ZIV聯隊	TWN					10		10
79	陳家宥	M16	Team CYTO TRIGON	TWN			10				10
80	Moltree Theeratee	M20	Hung Chen - 2Y3	THA			10				10
81	Sanyalak Baengsa	M20	Hung Chen - 2Y3	THA			10				10
82	陳玄曄	M25	捷安特哥倫布	TWN			10				10
83	趙孟宸	M16		TWN		10					10
84	LEE CHIN LONG	M20		HKG		10					10
85	莊博尹	M20	FTL Cycling Team	TWN	10						10
86	顏孝叡	M20	TEAM WAYPOINT	TWN	10						10
87	Pang Man Kin	M16	Apex Cycling Team Af	HKG					10		10
88	唐友恩	M16	CYTO Ride Taipei	TWN					10		10
89	Fung Wai Lim	M20	Apex Cycling Team Af	HKG					10		10

2025 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名											
更新：2025.12.06											
GC 總排名	Name 姓名	Div 組別	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分						Total Point 總積分
					R1	R2	R3+4	R5	R6	R7	
					陽明山	春季KOM	環花東	太平山	太平洋盃	桃園	
90	劉超然		ZIV新竹縣自由車隊							10	10
91	李岳青	M35	新北市自由車隊 Team	TWN	3	3	3				9
92	李安傑	M20	新北市自由車隊 Team	TWN	3		3				6
93	陳柏勳	M30	新北市自由車隊 Team	TWN		3	3				6
94	桑傳昀	M25	悠活單車	TWN	3	3					6
95	陳文賓	M45	悠活單車	TWN	3	3					6
96	陳知言	M35	FTL Cycling Team	TWN	3				3		6
97	黃昱鈞	M30	TeamMugen	TWN			3	3			6
98	宋宥燐	M16	桃園市聯隊	TWN	3			3			6
99	蔡政宇	M20	Team Dream Lab	TWN				3	3		6
100	侯佑霖	M35	TeamMugen	TWN	3				3		6
101	陳楚杰	M25	Pas Normal Studios T	TWN	3						3
102	羅士恩	M20	瑞士釘四季	TWN		3					3
103	周庭瑞	M30	昇陽SYB	TWN		3					3
104	翁顥璋	M40	東京熱 Tokyo-Hot	TWN		3					3
105	賴正明	M45		TWN		3					3
106	薛杏楷	M45	新北市自由車隊 Team	TWN		3					3
107	陳品宏	M50		TWN		3					3
108	黃緯宏	M50		TWN		3					3
109	秦培堯	M55		TWN		3					3
110	許仁輝	M60		TWN		3					3
111	莊凱富	M35	熟男少年團	TWN	3						3
112	張智程	M40	Fan!s cycling	TWN	3						3
113	粘世承	M16	新竹市ZIV聯隊	TWN					3		3
114	許丞希	M16	新竹市ZIV聯隊	TWN					3		3
115	陳品齊	M16	新竹市ZIV聯隊	TWN					3		3
116	楊少驊	M45	193縱谷動力	TWN					3		3
117	吳龍偉	M50	193縱谷動力	TWN					3		3
118	鍾瀚霆	M16	桃園市聯隊	TWN				3			3
119	古正毓	M30	TEAM WAYPOINT	TWN				3			3
120	FUNG LOK HEI	M16	HONG KONG CYCLIN	HKG			3				3
121	KO YIU LONG	M16	HONG KONG CYCLIN	HKG			3				3
122	LAW CHI YIN	M16	HONG KONG CYCLIN	HKG			3				3
123	LEE WAN CHUN	M16	HONG KONG CYCLIN	HKG			3				3
124	LEE YAN HO	M16	HONG KONG CYCLIN	HKG			3				3
125	TANG HO HIN	M16	HONG KONG CYCLIN	HKG			3				3
126	龔裕哲	M20	Bryton Racing Team	TWN			3				3
127	DALVIN KOH WAN	M30	MatadorRacing	SGP			3				3
128	陳佑翹	M30	Hung Chen - 2Y3	HKG			3				3
129	Andrew Ng	M35	MatadorRacing	SGP			3				3
130	Hu Chen	M35	MatadorRacing	SGP			3				3
131	Jason Zhi Sheng	M35	MatadorRacing	SGP			3				3
132	Maxence Boivin	M35	stijncycles-DOSUN	FRA			3				3
133	Ruben Oudejans	M35	stijncycles-DOSUN	NED			3				3
134	Shamus Tung Kok	M35	MatadorRacing	SGP			3				3

2025 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名											
更新：2025.12.06											
GC 總排名	Name 姓名	Div 組別	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分						Total Point 總積分
					R1	R2	R3+4	R5	R6	R7	
					陽明山	春季KOM	環花東	太平山	太平洋盃	桃園	
135	洪宜聖	M35	MatadorRacing	TWN			3				3
136	Taketoki Isobe	M40	MatadorRacing	JPN			3				3
137	卓駿宇	M40	RCCTPE	TWN			3				3
138	Daniel Ulrich	M45	Taipei Slow Cyclists	SUI			3				3
139	Jasper Thomasson	M45	stijncycles-DOSUN	NED			3				3
140	潘智嘉	M45	Hung Chen - 2Y3	TWN			3				3
141	Rik Oberoi	M50	MatadorRacing	GBR			3				3
142	Joshua Liew	M16		SGP		3					3
143	李宥叡	M16	EPIC TRCA Team	TWN		3					3
144	鍾承勳	M16		TWN		3					3
145	陳冠霖	M20	瑞士釘四季	TWN		3					3
146	盧士亨	M25		TWN		3					3
147	陳正龍	M35		TWN		3					3
148	Michael Beltran	M40		USA		3					3
149	許明儒	M40		TWN		3					3
150	陳其鴻	M40		TWN		3					3
151	曾智翊	M40	Fan's cycling	TWN		3					3
152	黃尉嘉	M40	悠活單車	TWN		3					3
153	鄧安舜	M40		TWN		3					3
154	張凱鈞	M45	捷安特哥倫布車隊	TWN		3					3
155	楊澄圳	M45		TWN		3					3
156	賴昆佑	M45		TWN		3					3
157	馬劍福	M50		TWN		3					3
158	黃世明	M50		TWN		3					3
159	LAM KAM CHING	M55		HKG		3					3
160	Paul OBoyle	M55		USA		3					3
161	麥諦而	M55		GER		3					3
162	黃文炳	M55		TWN		3					3
163	余世宥	M16	桃園市聯隊	TWN	3						3
164	林鈞凱	M16	新北市自由車隊 Team	TWN	3						3
165	莊寓翔	M16	新北市自由車隊 Team	TWN	3						3
166	劉柏均	M16	桃園市聯隊	TWN	3						3
167	蔡爵任	M20	大甲高中	TWN	3						3
168	韓翔陵	M30	YBT	TWN	3						3
169	吳維浩	M35	YBT	TWN	3						3
170	周弘恩	M35	YBT	TWN	3						3
171	陳亮志	M35	悠活單車	TWN	3						3
172	洪偉純	M40	新北市自由車隊 Team	TWN	3						3
173	陳俊翰	M40	YBT	TWN	3						3
174	林鴻偉	M45	Everything All good	TWN	3						3
175	劉喜德	M45	悠活單車	TWN	3						3
176	簡浚哲	M45	YBT	TWN	3						3
177	李侑鍇	M20	CYTO Ride Taipei	TWN					3		3
178	Chan Yu Chung	M16	Apex Cycling Team A	HKG					3		3
179	譚浩嵐	M30	Team OSSA Janiton	HKG					3		3

2025 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名											
更新：2025.12.06											
GC 總排名	Name 姓名	Div 組別	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分						Total Point 總積分
					R1	R2	R3+4	R5	R6	R7	
					陽明山	春季KOM	環花東	太平山	太平洋盃	桃園	
180	張禎廷	M30	FTL Cycling Team	TWN					3		3
181	邱上瑋	M16	新竹市ZIV聯隊	TWN					3		3
182	簡耘澤	M20	臺中聯隊	TWN					3		3
183	曹宏彰	M45	Team Dream LAB	TWN					3		3
184	Chan Lok Fung	M25	Team OSSA Janiton	HKG					3		3
185	花嘉鴻	M45	EPIC TRCA Team B隊	TWN					3		3
186	Lai Ka Man	M16	Apex Cycling Team A隊	HKG					3		3
187	謝秉泓	M20	新北四季單車鐵人代表	TWN					3		3
188	Wong Chi Sheung	M16	Apex Cycling Team B隊	HKG					3		3
189	陳冠希	M25	TeamMUGEN	TWN					3		3
190	魏雲詠	M45	193縱谷動力	TWN					3		3
191	Zhang Wing Lam	M16	Apex Cycling Team B隊	HKG					3		3
192	Kwok Hei	M16	Apex Cycling Team B隊	HKG					3		3
193	Wong Kin Hei	M20	Apex Cycling Team B隊	HKG					3		3
194	Wong Ho Yin	M25	Team OSSA Janiton	HKG					3		3
195	林鼎鈞	M16	TEAM BELUGA CYCLING	TWN					3		3
196	溫季家	M16	TEAM BELUGA CYCLING	TWN					3		3
197	郭玉堃	M55	193縱谷動力	TWN					3		3
198	洪楷宇	M16	Team Dream LAB	TWN					3		3
199	徐斌雁	M40	Team OSSA Janiton	TWN					3		3
200	紀迪元	M40	193縱谷動力	TWN					3		3
201	黃聖傑	M45	EDCC CYCLING CLUB	TWN					3		3
202	Li Shek Lun	M35	Apex Cycling Team B隊	HKG					3		3
203	周庭宇	M16	CYTO Ride Taipei	TWN					3		3
204	羅紘程	M40	EDCC CYCLING CLUB	TWN					3		3
205	周秉叡	M16	TEAM BELUGA CYCLING	TWN					3		3
206	陳彥碩	M16	TEAM BELUGA CYCLING	TWN					3		3
207	林祈安	M16	新北四季單車鐵人代表	TWN					3		3
208	陳宥劭	M16	EPIC TRCA Team B隊	TWN		3					3

女子總排名											
1	卓佳盈	W36	新北市自由車隊 Team	TWN	30	33	50	33		37	183
2	劉欣怡	W36	FTL Cycling Team	TWN	28	26	33	30	37	28	182
3	葉玳君	W35	新北市自由車隊 Team	TWN	37		42	50		50	179
4	吳玉鳳	W36	EPIC TRCA Team	TWN		30	37		42	26	135
5	吳采蓉	W35	新北市自由車隊 Team	TWN	26	20	30	42			118
6	廖羽柔	W36	新北市自由車隊 Team	TWN		42		37			79
7	朱芷儀	W35	浩捍車隊	TWN	24					42	66
8	林怡萱	W35	新北四季單車鐵人代表	TWN					33	24	57
9	程秀如	W36	捷安特哥倫布車隊	TWN		50					50
10	邱聖芯	W35	Bryton Racing Team	TWN	50						50
11	許書瑋	W35	臺中聯隊	TWN					50		50
12	溫彩彤	W35	大甲高中	TWN	42						42
13	林怡伶	W36		TWN		37					37
14	劉予倫	W36	新北市自由車隊 Team	TWN	33						33

2025 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名											
更新：2025.12.06											
GC 總排名	Name 姓名	Div 組別	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分						Total Point 總積分
					R1	R2	R3+4	R5	R6	R7	
					陽明山	春季KOM	環花東	太平山	太平洋盃	桃園	
15	賴佳琦	W35組	臺中市隊							33	33
19	羅育嫻	W35組	新北市自由車隊 Team MSG							30	30
16	李雅惠	W36	FTL Cycling Team	TWN		28					28
17	黃柏諺	W35	新北市自由車隊 Team	TWN				28			28
18	高訢庭	W35	捷安特哥倫布車隊	TWN		24					24
20	王韋婕	W35	捷安特哥倫布車隊	TWN		22					22
21	賴佳琪	W35	浩捍車隊	TWN	22						22
22	林憶伶	W35	Everything All good	TWN	20						20
23	單雲慈	W35	捷安特哥倫布車隊	TWN		15					15
24	蔡秀雯	W36	TEAM WAYPOINT	TWN		15					15
25	Akiko Koike	W36		JPN		15					15
26	林凱平	W36	新北市自由車隊 Team	TWN	15						15
國中總排名											
1	陳立傑	U15	新竹市香山高中	TWN				50	33	28	111
2	劉祥丞	U13	新北市自由車隊 Team	TWN	50			37		20	107
3	陳宥劭	U14	EPIC TRCA Team B隊	TWN	15				30	50	95
4	江政昊	U15	桃園市聯隊	TWN	42			30		22	94
5	郭祐誠	U14	臺北市立大理高中	TWN					42	42	84
6	張峻彪	U15	新竹市香山高中	TWN				42	15	24	81
7	游念恩	U15	新北市自由車隊 Team	TWN	37			26		15	78
8	楊拓	U15	新竹市香山高中	TWN				22	26	26	74
9	陳俞安	U14	臺北市立大理高中	TWN					37	37	74
10	柯元勛	U15	新竹市香山高中	TWN				33	24	15	72
11	楊皓	U14	新竹市ZIV聯隊	TWN				28	28	15	71
12	蔡承憲	U14	桃園市聯隊	TWN	33			20			53
13	李亞郡	U14	臺北市立大理高中	TWN					50		50
14	丁昶允	U15	新北市自由車隊 Team	TWN	30			15			45
15	謝承諺	U15	桃園市聯隊	TWN	24			15			39
16	吳宇翔	U15	桃園市聯隊	TWN	28			10			38
17	李宥叡	U15	EPIC TRCA Team B隊	TWN					22	15	37
18	溫品洋	U14	TEAM BELUGA CYCLIN	TWN				10	15	10	35
19	許祐宸	U14	臺北市立大理高中							33	33
20	林冠霖	U15	新竹市香山高中	TWN				15	15		30
21	石垣正	U13	TEAM BELUGA CYCLIN	TWN				15	15		30
22	劉子暉	U13	TEAM BELUGA CYCLIN	TWN				15	15		30
23	范晏維	U15	新竹市ZIV聯隊	TWN					15	15	30
24	林冠承	U13	新竹市ZIV聯隊	TWN					15	15	30
25	林志翰	U15	臺北市立大理高中							30	30
26	林軒韻	U15	新北市自由車隊 Team	TWN	26						26
27	廖岑翰	U15	新竹市ZIV聯隊 B組	TWN				15		10	25
28	陳諾凡	U14	新竹市ZIV聯隊 B組	TWN				24			24
29	沈品佑	U14	桃園市聯隊	TWN	22						22
30	鄭宥呈	U14	臺北市立大理高中	TWN					20		20
31	林駿朗	U15	新北市自由車隊 Team	TWN	20						20
32	徐愷承	U15	新竹市ZIV聯隊 B組	TWN				10		10	20



2025 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名											
更新：2025.12.06											
GC 總排名	Name 姓名	Div 組別	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分						Total Point 總積分
					R1	R2	R3+4	R5	R6	R7	
					陽明山	春季KOM	環花東	太平山	太平洋盃	桃園	
33	宋允平	U14	TEAM BELUGA CYCLING	TWN					15		15
34	沈嘉程	U14	TEAM BELUGA CYCLING	TWN					15		15
35	羅允峻	U14	TEAM BELUGA CYCLING	TWN					15		15
36	蕭博駿	U14	桃園市聯隊 B組	TWN				15			15
37	陳庭蓁	W15	新北市自由車隊 Team	TWN				15			15
38	江諾	U13	TEAM BELUGA cycling	TWN				15			15
39	張宸瑜	W15	新北市自由車隊 Team	TWN				15			15
40	董青叡	U15	新北市自由車隊 Team MSG							15	15
41	張瑋丞	U15	新北市自由車隊 Team MSG							15	15
42	周昀辰	U14	臺北市立大理高中							15	15
43	陳印揚	U14	新北市自由車隊 Team MSG							15	15
44	劉戴陽	U13	TEAM BELUGA cycling	TWN				10			10
45	鍾凱帆	U14	TEAM BELUGA cycling	TWN				10			10
46	吳承恩	U14	新竹市ZIV聯隊 B組							10	10